

Số: 86/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Hải Nam.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 136/2026/LĐ-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 136/2026/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Trương Thị Thùy T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số E đường H, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Bà Trương Ngọc H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long; (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.2. Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số E, đường X, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1967; HKTT: Số G đường số A, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2024; (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.3. Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H; Địa chỉ: Đường T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Bảo hiểm xã hội cơ sở D - Thành phố Hồ Chí Minh - Đường T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; (là người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2026). (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* *Tại Đơn yêu cầu ghi ngày 20/3/2026 và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Trương Thị Thùy T trình bày:*

Bà Trương Ngọc H, sinh năm 1993 là em của bà T. Vào khoảng tháng 06/2010 do bà H không đủ tuổi ứng tuyển lao động nên bà T có cho bà H mượn thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số E, đường X, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Công ty Cổ phần Đ đã đóng bảo hiểm cho bà H với tên của bà T từ tháng 6/2010 đến tháng 7/2011 với mã số 7410196215.

Nay bà T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì Cơ quan Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm bị trùng. Bà T đã liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội nhờ hướng dẫn thì cán bộ hướng dẫn đến Tòa án để yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa bà Trương Ngọc H với tên của bà Trương Thị Thùy T và Công ty Cổ phần Đ theo hướng dẫn tại Công văn 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L.

Do bà T và bà H không hiểu biết về pháp luật nên mới cho mượn giấy tờ để ký hợp đồng lao động như trên. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Thùy T và Công ty Cổ phần Đ là vô hiệu với lý do: Bà Trương Ngọc H đã sử dụng thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ. Bà T chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc bà H mượn hồ sơ lao động của bà T để làm việc tại Công ty Cổ phần Đ là lỗi của hai bà và không liên quan đến Công ty. Do đó, bà T tự nguyện đóng toàn bộ lệ phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, bà T xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì khác. Đồng thời, bà T đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc H trình bày:*

Bà Trương Thị Thùy T, sinh năm 1983 là chị ruột của bà H. Vào khoảng tháng 6/2010 do bà H không đủ tuổi ứng tuyển lao động nên có mượn thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số E, đường X, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Công ty Cổ phần Đ đã đóng bảo hiểm cho bà H với tên của bà Trương Thị Thùy T từ tháng 6/2010 đến tháng 7/2011 với mã số 7410196215.

Đến thời điểm hiện tại do đã lâu nên hợp đồng lao động và các giấy tờ liên quan khi tôi sử dụng thông tin của bà T ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ đã thất lạc hết các không thể cung cấp cho Tòa án. Tại thời điểm lấy thông tin của bà T để giao kết hợp đồng, do bản thân bà không hiểu biết pháp luật nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T.

Do đó, đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty Cổ phần Đ là vô hiệu thì bà H đồng ý.

Bà H xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì trong việc này. Đồng thời, đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ trình bày:*

Theo dữ liệu trích ngang còn lưu trữ trên máy tính, Công ty có tiếp nhận và giao kết hợp đồng lao động với người lao động có thông tin như sau: Họ và tên: Trương Thị Thùy T; Ngày tháng năm sinh: 23/7/1983; Chứng minh nhân dân số: 331360870, ngày cấp: 07/07/1999, nơi cấp: Vĩnh Long; Địa chỉ thường trú: M, Mang T, Vĩnh Long.

Quá trình làm việc tại Công ty của bà T như sau: Tháng 06/2010: Công ty ký hợp đồng lao động với bà T và tham gia đóng các chế độ bảo hiểm (Số sổ: 7410196215) cho bà T theo quy định pháp luật. Tháng 08/2011: Bà T xin nghỉ việc ở Công ty, Công ty đã giải quyết chế độ và chốt sổ bảo hiểm cho bà Trương Thị Thùy T.

Theo đơn, bà T thừa nhận có cho em gái là bà Trương Ngọc H mượn hồ sơ của mình để xin việc và giao kết hợp đồng lao động với Công ty dưới tên là Trương Thị Thùy T nên dẫn đến việc trùng với quá trình tham gia bảo hiểm của bà T khi làm việc tại một công ty khác trong cùng khoảng thời gian và không thể giải quyết các chế độ bảo hiểm sau đó. Công ty Đ hoàn toàn không hề biết gì về vấn đề này và cũng không phát hiện ra việc bà Trương Thị Thùy T cho mượn hồ sơ cho đến hôm nay khi nhận được Thông báo thụ lý từ Tòa án.

Hành vi mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của bà Trương Ngọc H là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Bên cạnh đó, bà Trương Thị Thùy T hoàn toàn nhận thức được việc cho bà Trương Ngọc H mượn hồ sơ để xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty Đ là trái pháp luật nhưng vẫn cho bà H mượn hồ sơ là chấp nhận với hậu quả pháp lý có thể xảy ra.

Về các hồ sơ liên quan đến bà T: Do người lao động có tên là Trương Thị Thùy T (thực tế là người khác giả mạo hồ sơ) đã nghỉ việc từ tháng 08/2011 đến nay đã gần 15 năm nên các hồ sơ liên quan đến người lao động nêu trên Công ty không còn lưu trữ. Hồ sơ người lao động Công ty đã hủy theo quy định lưu trữ 05 năm kể từ khi chấm dứt hợp đồng lao động (bao gồm sơ yếu lý lịch, các bản hợp đồng lao động, hồ sơ giải quyết nghỉ việc...).

Về việc ký lại hợp đồng lao động với bà Trương Ngọc H trong thời gian thực tế bà H làm việc cho Công ty thì Công ty không đồng ý. Bởi lẽ, việc bà H lấy thông tin cá nhân của bà T để làm việc tại Công ty là một hành vi gian dối, dẫn đến việc Công ty ký kết hợp đồng với bà T (nhưng bà H mới là người thực tế làm việc tại Công ty), đó là một hành vi vi phạm pháp luật và nếu ký lại thì tại thời điểm đó bà H cũng không đủ tuổi để ký kết hợp đồng lao động. Ngoài ra, Công ty không có yêu cầu gì khác.

Ngoài ra, Công ty không có yêu cầu gì trong vụ án, không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đồng thời, đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của bà Trương Thị Thùy T, sinh năm 1983, số Căn cước công dân 086183001569, thì Công ty Cổ phần Đ có tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trương Thị Thùy T theo số Bảo hiểm xã hội 7410196215 có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 06/2010 đến tháng 07/2011 đã chốt sổ và đã nhận trợ cấp Bảo hiểm xã hội một lần.

Qua kiểm tra dữ liệu, bà Trương Thị Thùy T còn có mã số Bảo hiểm xã hội 7911213289 có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2011 đến tháng 05/2024 tại Công ty TNHH F (Việt Nam).

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Trương Thị Thùy T và Công ty Cổ phần Đ, đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty Cổ phần Đ có giao kết lại hợp đồng lao động với người mượn hồ sơ hay không. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Trương Thị Thùy T, Bảo hiểm xã hội cơ sở D không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Trương Thị Thùy T, Bảo hiểm xã hội cơ sở D không có ý kiến. Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội cơ sở D không có ý kiến, yêu cầu gì khác và đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu của bà Trương Thị Thùy T là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Thùy T có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số E, đường X, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Trương Thị Thùy T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ, Bảo hiểm xã hội cơ sở D, bà Trương Ngọc H vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục phiên họp.

[2] Đối với yêu cầu của bà Trương Thị Thùy T xét thấy:

[2.1] Việc bà Trương Ngọc H sử dụng thông tin, chứng minh nhân dân của bà Trương Thị Thùy T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “Trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều

49 của Bộ luật Lao động.

[2.2] Quá trình tham gia tổ tụng của Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ A cung cấp thông tin: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của bà Trương Thị Thùy T, sinh năm 1983, số Căn cước công dân 086183001569, thì Công ty Cổ phần Đ có tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trương Thị Thùy T theo số Bảo hiểm xã hội 7410196215 có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 06/2010 đến tháng 07/2011 đã chốt sổ và đã nhận trợ cấp Bảo hiểm xã hội một lần. Qua kiểm tra dữ liệu, bà Trương Thị Thùy T còn có mã số Bảo hiểm xã hội 7911213289 có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2011 đến tháng 05/2024 tại Công ty TNHH F (Việt Nam).

Như vậy, bà Trương Thị Thùy T có thời gian đóng trùng Bảo hiểm xã hội của mã số Bảo hiểm xã hội 7911213289 với mã số Bảo hiểm xã hội 7410196215 là từ tháng 6/2010 đến tháng 7/2011.

[2.3] Trình bày của bà Trương Thị Thùy T là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết việc dân sự, phù hợp với trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, bà Trương Thị Thùy T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Trương Thị Thùy T với Công ty Cổ phần Đ là vô hiệu là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động, Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T và ý kiến của bà T về việc xác định người lao động tại Công ty Cổ phần Đ là bà Trương Ngọc H, không phải là bà Trương Thị Thùy T. Bà T và bà H có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410196215.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung việc dân sự, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Bà Trương Thị Thùy T phải chịu lệ phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 của Bộ luật lao động năm 1994;

Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà Trương Thị Thùy T.

Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Trương Thị Thùy T với Công ty Cổ phần Đ là vô hiệu toàn bộ.

Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410196215 không phải là bà Trương Thị Thùy T, sinh năm 1983; CCCD số 086183001569. Bà Trương Thị Thùy T và bà Trương Ngọc H được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410196215.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trương Thị Thùy T phải đóng 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020039 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Hải Nam